

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIỒNG TRÔM  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10/8/2022

*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đào Nguyễn Yên Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Thành Đông

2. Ông Huỳnh Đức Tâm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Yên

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên  
tòa:** Bà Huỳnh Thị Duyên Em - Kiểm sát viên

Ngày 10/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 134/2022/TLST-HNGĐ, ngày 05/4/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 122/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25/7/2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Đoàn Thị Thủy T, sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre

Địa chỉ liên hệ: Số 179, ấp T, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Kim T1, sinh năm 1988

Địa chỉ: Số 73, ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre

(Chị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh T1 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nguyên đơn chị Đoàn Thị Thủy T trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Kim T1 tự nguyện kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 13/6/2016. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi dẫn đến mâu thuẫn ngày càng gay gắt, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn hạnh phúc gia đình được nữa. Anh chị ly thân nhau từ cuối năm 2020 đến nay.

Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh T1 nữa, chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Chị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Kim T1, không

yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn.

- Về con chung: Chị T và anh Nguyễn Kim T1 có 2 con chung: Nguyễn Kim P, sinh ngày 08/02/2017; Nguyễn Kim Ngọc C, sinh ngày 03/7/2019; các con hiện đang sống với chị T. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi 2 con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bận công việc nên chị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt chị.

\* *Bị đơn anh Nguyễn Kim T1 trình bày:*

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Đoàn Thị Thuỷ T về quá trình kết hôn, anh chị đã ly thân khoảng 1 tháng nay, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T chung sống cùng bên nhà chồng không thích hợp. Nay chị T xin ly hôn, anh có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Anh T1 không đồng ý ly hôn với chị Đoàn Thị Thuỷ T, vì vợ chồng không có mâu thuẫn gì, chỉ là chị T bị ảnh hưởng cuộc sống khi sống chung cùng gia đình bên chồng.

- Về con chung: Anh T1 và chị Đoàn Thị Thuỷ T có 2 con chung: Nguyễn Kim P, sinh ngày 08/02/2017; Nguyễn Kim Ngọc C, sinh ngày 03/7/2019. Trường hợp chị T cương quyết ly hôn thì anh T1 đồng ý để chị T trực tiếp nuôi 2 con chung, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh T1 khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T1 khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay,*

Nguyên đơn chị Đoàn Thị Thuỷ T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như ban đầu.

Bị đơn anh Nguyễn Kim T1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn anh Nguyễn Kim T1 chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Thuỷ T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án; xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đoàn Thị Thuỷ T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Chị Đoàn Thị Thuỷ T khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Kim T1 và được trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

- Bị đơn anh Nguyễn Kim T1 hiện đang cư trú tại ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre. Do đó, căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện G thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

- Nguyên đơn chị Đoàn Thị Thuỷ T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T.

- Bị đơn anh Nguyễn Kim T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị Thuỷ T và anh Nguyễn Kim T1 tự nguyện kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 13/6/2016. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, chị T cho rằng chị và anh T1 bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi; mâu thuẫn ngày càng gay gắt, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn hạnh phúc gia đình. Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh T1 nữa nên xin được ly hôn. Về phía anh T1, anh không đồng ý ly hôn với chị T vì cho rằng giữa vợ chồng không có phát sinh mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, anh T1 cũng thừa nhận là chị T sống bên nhà chồng không thích hợp, chị T bị ảnh hưởng cuộc sống khi sống cùng gia đình bên chồng. Mặt khác, anh T1 cho rằng anh còn thương vợ con nên không muốn ly hôn. Tuy nhiên, Tòa án đã tạo điều kiện cho anh T1 có thời gian về hàn gắn tình cảm với chị T nhưng anh T1 cũng không đưa ra được biện pháp gì khả thi để hàn gắn tình cảm vợ chồng và những lần hoà giải tiếp theo anh T1 đều không đến Tòa án.

Từ những phân tích trên xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Đoàn Thị Thuỷ T và anh Nguyễn Kim T1 là có thật và cả hai không tìm cách tháo gỡ được làm cho tình trạng hôn nhân giữa hai bên ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai.

[2.2] Về con chung: Chị Đoàn Thị Thuỷ T và anh Nguyễn Kim T1 có 2 con chung: Nguyễn Kim P, sinh ngày 08/02/2017; Nguyễn Kim Ngọc C, sinh ngày 03/7/2019; các con hiện đang sống với chị T. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi 2 con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy các con chung còn rất nhỏ (cháu P mới 5 tuổi, còn cháu C mới 3 tuổi), hiện đang sống với chị T và có cuộc sống, sinh hoạt ổn định. Đồng thời, phía anh T1 cũng trình bày trường hợp chị T cương quyết ly hôn thì anh T1 đồng ý để chị T trực tiếp nuôi 2 con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận để chị Đoàn Thị Thuỷ T là người trực tiếp nuôi cả 2 con chung cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi. Xét việc chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Đoàn Thị Thuỷ T và anh Nguyễn Kim T1 khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị Đoàn Thị Thuỷ T và anh Nguyễn Kim T1 khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, chị Đoàn Thị Thuỷ T phải chịu theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đoàn Thị Thuỷ T đối với bị đơn anh Nguyễn Kim T1, cụ thể tuyên:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị Thuỷ T được ly hôn với anh Nguyễn Kim T1.

- Về con chung: Chị Đoàn Thị Thuỷ T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 2 con chung là Nguyễn Kim P, sinh ngày 08/02/2017 và Nguyễn Kim Ngọc C, sinh ngày 03/7/2019 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi. Ghi nhận việc chị T không yêu cầu anh Nguyễn Kim T1 cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh T1 được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích về mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên đương sự được quyền yêu cầu Tòa án xem xét thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Đoàn Thị Thuỷ T và anh Nguyễn Kim T1 khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị Đoàn Thị Thuỷ T và anh Nguyễn Kim T1 khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị Đoàn Thị Thuỷ T phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0007144 ngày 05/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre. Chị T đã nộp xong tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Đoàn Thị Thuỷ T và anh Nguyễn Kim T1 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày

kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã B, H. G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đào Nguyễn Yến Phương**